

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt nhiệm vụ và dự toán chi phí lập Quy hoạch
chi tiết 1/500 nghĩa trang thị trấn Mộ Đức.**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN MỘ ĐỨC

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24/11/2017;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ Xây dựng Quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch khu chức năng đặc thù;

Căn cứ Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị;

Căn cứ Thông tư số 22/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ Xây dựng Ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 158/QĐ-UBND ngày 01/6/2015 của UBND tỉnh Quảng Ngãi phê duyệt quy hoạch chung thị trấn Mộ Đức;

Căn cứ Công văn số 781/UBND-KT ngày 30/6/2021 của UBND huyện Mộ Đức về việc cho chủ trương lập Quy hoạch chi tiết 1/500 nghĩa trang thị trấn Mộ Đức.

Theo đề nghị của phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện tại Báo cáo thẩm định số 61/BCTĐ-KTHT ngày 08/11/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nhiệm vụ và dự toán chi phí lập Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 nghĩa trang thị trấn Mộ Đức, với các nội dung như sau:

- 1. Tên đồ án:** Quy hoạch chi tiết 1/500 nghĩa trang thị trấn Mộ Đức.
- 2. Vị trí, quy mô và phạm vi ranh giới quy hoạch**

a) Vị trí quy hoạch: Nghĩa trang thị trấn Mộ Đức, tổ dân phố 3, thị trấn Mộ Đức, huyện Mộ Đức.

b) Diện tích quy hoạch khoảng: Tổng diện tích nghiên cứu khoảng 5,2ha, có giới cận:

- Phía Đông: Giáp đất trồng keo;
- Phía Tây: Đất trồng keo;
- Phía Nam: Giáp đất trồng keo và trang trại ông Lê Văn Dục;
- Phía Bắc: Giáp khu nghĩa địa hiện trạng.

3. Tính chất

Là nghĩa trang chôn cất truyền thống, quy hoạch tạo lập không gian nghĩa trang có cảnh quan hài hòa với thiên nhiên; đảm bảo tính tôn nghiêm, phù hợp với văn hóa tín ngưỡng của người Việt Nam, đáp ứng hoạt động mai táng, tổ chức lễ tang, nghi lễ.

4. Mục tiêu, nhiệm vụ quy hoạch

a) Mục tiêu

- Cụ thể hóa đồ án Quy hoạch chung thị trấn Mộ Đức đã duyệt.
- Hình thành khu Nghĩa trang nhân dân tập trung với hệ thống hạ tầng kỹ thuật đồng bộ và các giải pháp đảm bảo về môi trường, phục vụ nhu cầu an tang và quy tập, di dời mộ nằm xen kẽ trong khu dân cư, đảm bảo vệ sinh môi trường, hiệu quả sử dụng đất.

- Làm cơ sở pháp lý cho công tác chuẩn bị đầu tư và quản lý xây dựng theo quy hoạch chi tiết xây dựng.

b) Nhiệm vụ quy hoạch

- Xác định quy mô, ranh giới khu vực quy hoạch.
- Thu thập xử lý số liệu hiện trạng kinh tế, xã hội và xây dựng tổng hợp tại địa bàn khu vực quy hoạch. Phân tích và đánh giá hiện trạng tự nhiên; hiện trạng sử dụng đất, sử dụng công trình, cảnh quan kiến trúc và hạ tầng kỹ thuật của khu vực.

- Đề xuất các giải pháp phân bố đất đai theo các nhu cầu sử dụng đất trong khu quy hoạch.

- Tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan hợp lý, đồng thời phù hợp với đặc thù của địa phương. Tôn trọng địa hình tự nhiên, tổ chức cảnh quan trên cơ sở địa hình tự nhiên sẵn có.

- Cân đối hợp lý việc sử dụng đất đai và xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật, tiêu chí về quản lý quy hoạch xây dựng đô thị.

- Đề xuất giải pháp thực hiện, phân bổ đầu tư xây dựng một các hợp lý, phù hợp với điều kiện hiện trạng.

5. Các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật chủ yếu

5.1. Các khu chức năng chủ yếu

a) Khu vực mai táng để chôn cất thi hài hoặc hài cốt, bao gồm:

- Khu chôn cất một lần;
- Khu cải táng.

b) Các công trình chức năng:

- Khu văn phòng làm việc, nhà kho, nhà chờ, thường trực, khu vệ sinh;
- Khu dành cho các hoạt động tưởng niệm, thờ cúng (công trình Chùa phục vụ văn hóa tín ngưỡng địa phương nếu có).

- Hạ tầng kỹ thuật: Cổng, hàng rào, sân, đường, bãi đỗ xe, cấp nước, thu gom chất thải rắn, thu gom và xử lý nước thải, nước thấm từ các mộ hung táng, chiếu sáng, cây xanh, mặt nước, tiểu cảnh.

5.2. Diện tích sử dụng đất

a) Diện tích nghĩa trang bao gồm diện tích đất dành cho các loại hình mai táng, các công trình chức năng, phụ trợ và các công trình hạ tầng kỹ thuật. Có bố trí phân diện tích để phục vụ cho các đối tượng chính sách xã hội khi chết trên địa bàn và xây dựng hình thức quản lý cụ thể.

b) Tỷ lệ sử dụng đất (tính trên tổng diện tích đất) nghĩa trang:

- Diện tích khu đất mai táng tối đa 60 %;
- Các công trình chức năng và hạ tầng kỹ thuật tối thiểu 40 %, trong đó diện tích cây xanh tối thiểu 25 %, giao thông chính tối thiểu 10 %.

c) Diện tích đất sử dụng cho mỗi mộ (không tính diện tích đường đi xung quanh mộ):

- Mộ hung táng và chôn cất một lần tối đa 5 m²/mộ;
- Mộ cát táng tối đa 3 m²/mộ;
- Mộ chôn cất lọ tro cốt sau hỏa táng tối đa 3 m²/mộ;

d) Thể tích ô để lọ tro cốt hỏa táng tối đa là 0,125 m³/ô.

5.3. Kiến trúc, cảnh quan môi trường

a) Nghĩa trang được chia thành các khu/lô mộ. Các khu/lô mộ được giới hạn bởi các đường đi bộ. Trong mỗi khu/lô mộ được chia ra thành các nhóm mộ. Trong mỗi nhóm mộ có các hàng mộ.

b) Kích thước mộ và huyệt mộ tối đa:

Mộ hung táng hoặc chôn cất 1 lần:

- Kích thước mộ (dài rộng cao): 2,4 m x 1,4 m x 0,8 m;
- Kích thước huyệt mộ (dài rộng sâu): 2,2 m x 0,9 m x 1,5 m.

- Mộ cát táng và mộ chôn cất lọ tro cốt sau hỏa táng:
- Kích thước mộ (dài rộng cao): 1,5 m 1 m 0,8 m;
- Kích thước huyệt mộ (dài rộng sâu): 1,2 m 0,8 m 0,8 m.
- c) Kích thước ô để lọ tro cốt hỏa táng (dài rộng cao): 0,5 m 0,5 m 0,5 m.
- d) Chiều rộng lối đi trong nghĩa trang:
 - Trục giao thông chính (đường phân khu) tối thiểu là 7,0 m;
 - Đường giữa các lô mộ (đường phân lô) tối thiểu là 3,5 m;
 - Lối đi bên trong các lô mộ (đường phân nhóm) tối thiểu là 1,2 m;
 - Khoảng cách lối đi giữa hai hàng mộ liên tiếp tối thiểu là 0,8 m;
 - Khoảng cách giữa 2 mộ liên tiếp cùng hàng tối thiểu là 0,6 m.

6. Các nội dung chủ yếu cần nghiên cứu

a) Xác định ranh giới, quy mô xây dựng nghĩa trang.

b) Phân tích, đánh giá hiện trạng đất xây dựng, các điều kiện tự nhiên, cảnh quan, địa hình, địa chất thủy văn, hạ tầng kỹ thuật, môi trường khu vực quy hoạch xây dựng, các quy định của quy hoạch nghĩa trang vùng tỉnh, quy hoạch nghĩa trang, cơ sở hỏa táng trong các đồ án quy hoạch xây dựng hoặc quy hoạch đô thị có liên quan;

c) Xác định các hình thức táng, chỉ tiêu sử dụng đất và hạ tầng kỹ thuật, đề xuất lựa chọn loại cây trồng phù hợp trong các lô mộ, nhóm mộ, đường giao thông chính và khu vực công cộng trong nghĩa trang;

d) Quy hoạch sử dụng đất, phân khu chức năng, tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan, vị trí, quy mô và yêu cầu đối với thiết kế công trình trong nghĩa trang, cơ sở hỏa táng; phân lô, nhóm, hàng mộ và khoảng cách giữa các mộ phù hợp với các hình thức táng; quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật. Giải pháp kết nối với các công trình hạ tầng kỹ thuật bên trong và ngoài phạm vi lập quy hoạch. Xác định cụ thể kế hoạch và nguồn lực thực hiện;

e) Đánh giá môi trường chiến lược:

- Đánh giá hiện trạng môi trường về điều kiện địa hình; các vấn đề xã hội, văn hóa, cảnh quan thiên nhiên;

- Phân tích, dự báo những tác động tích cực và tiêu cực ảnh hưởng đến môi trường; đề xuất hệ thống các tiêu chí bảo vệ môi trường để đưa ra các giải pháp quy hoạch không gian, kiến trúc và hạ tầng kỹ thuật tối ưu cho khu vực quy hoạch nghĩa trang;

- Đề ra các giải pháp cụ thể giảm thiểu, khắc phục tác động đến môi trường đô thị khi triển khai thực hiện quy hoạch;

- Lập kế hoạch giám sát môi trường về kỹ thuật, quản lý và quan trắc môi trường.

7. Danh mục, số lượng hồ sơ và sản phẩm.

Thành phần và nội dung hồ sơ bản vẽ được thực hiện theo quy định tại các Nghị định của Chính phủ: Số 44/2015/ND-CP ngày 07/4/2010, các Thông tư của Bộ Xây dựng: Số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016, số 06/2013/TT-BXD ngày 13/5/2013 và số 16/2013/TT-BXD ngày 16/10/2013. Thành phần hồ sơ bao gồm:

a) Phần thuyết minh: Nội dung thuyết minh của hồ sơ quy hoạch chi tiết bao gồm:

- Xác định chỉ tiêu về dân số, hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật và yêu cầu tổ chức không gian, kiến trúc cảnh quan cho toàn khu vực quy hoạch; chỉ tiêu sử dụng đất và yêu cầu về bố trí công trình đối với từng lô mố; bố trí mạng lưới các công trình hạ tầng kỹ thuật đến ranh lô đất.

- Xác định vị trí, quy mô các khu đặc trưng cần kiểm soát, các nội dung cần thực hiện để kiểm soát và các quy định cần thực hiện.

- Các giải pháp về thiết kế đô thị, kiến trúc công trình cụ thể và cảnh quan khu vực quy hoạch.

- Phân tích, đánh giá về tác động môi trường phù hợp với nội dung đánh giá môi trường chiến lược trong quy hoạch chung đã được phê duyệt.

- Dự kiến sơ bộ về tổng mức đầu tư; đề xuất giải pháp về nguồn vốn và tổ chức thực hiện.

Thuyết minh đồ án quy hoạch chi tiết đô thị phải có bảng biểu thống kê, phụ lục tính toán, hình ảnh minh họa và hệ thống sơ đồ, bản vẽ thu nhỏ khổ A3 với ký hiệu và ghi chú rõ ràng, được sắp xếp kèm theo nội dung cho từng phần của thuyết minh liên quan.

b) Phần bản vẽ:

- Sơ đồ vị trí và giới hạn khu đất. Thể hiện trên nền bản đồ địa hình tỷ lệ 1/2.000 hoặc 1/5.000.

- Bản đồ hiện trạng kiến trúc cảnh quan, hạ tầng xã hội và đánh giá đất xây dựng. Thể hiện trên nền bản đồ địa hình tỷ lệ 1/500.

- Các bản đồ hiện trạng hạ tầng kỹ thuật. Thể hiện trên nền bản đồ địa hình tỷ lệ 1/500.

- Bản đồ quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất. Thể hiện trên nền bản đồ địa hình tỷ lệ 1/500.

- Sơ đồ tổ chức không gian, kiến trúc, cảnh quan. Thể hiện trên nền bản đồ địa hình tỷ lệ 1/500.

- Bản đồ chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng và hành lang bảo vệ các tuyến hạ tầng kỹ thuật. Thể hiện trên nền bản đồ địa hình tỷ lệ 1/500.

- Các bản đồ quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật. Thể hiện trên nền bản đồ địa hình tỷ lệ 1/500.

- Bản đồ tổng hợp đường dây, đường ống kỹ thuật. Thể hiện trên nền bản đồ địa hình tỷ lệ 1/500.

c) Dự thảo tờ trình và dự thảo quyết định phê duyệt đề án quy hoạch .

d) Phụ lục kèm theo thuyết minh (các giải trình, giải tích, luận cứ bổ sung cho thuyết minh; bản vẽ minh họa; các số liệu tính toán). Phụ lục đính kèm văn bản pháp lý liên quan. Đĩa CD lưu trữ toàn bộ nội dung đề án quy hoạch bao gồm thuyết minh, bản vẽ và Quy định quản lý theo đề án quy hoạch chi tiết.

8. Tiến độ thực hiện: 30 ngày kể từ ngày ký kết hợp đồng tư vấn.

9. Tổng dự toán thực hiện: **394.029.000 đồng.**

Trong đó:

Chi phí khảo sát, cắm mốc:	161.560.000 đồng
Chi phí lập đề án quy hoạch:	163.680.000 đồng
Chi phí lập nhiệm vụ quy hoạch:	23.078.000 đồng
Chi phí khác:	45.711.200 đồng

10. Nguồn kinh phí thực hiện: Ngân sách huyện.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện (Chủ đầu tư dự án) chịu trách nhiệm triển khai lập Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 nghĩa trang thị trấn Mộ Đức theo đúng nhiệm vụ quy hoạch đã được phê duyệt và các quy định hiện hành của Nhà nước.

2. UBND thị trấn Mộ Đức chịu trách nhiệm phối hợp với phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện trong việc lập Đề án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 nghĩa trang thị trấn Mộ Đức.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng huyện; Thủ trưởng các phòng: Kinh tế và Hạ tầng, Tài chính-Kế hoạch, Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và PTNT huyện; Giám đốc Kho bạc Nhà nước huyện; Chủ tịch UBND thị trấn Mộ Đức và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- CT, PCT (KT) UBND huyện;
- VP: C- PVP, CVTH;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Phạm Ngọc Lân